

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1442/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 05 tháng 10 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt quy hoạch phát triển ngành thể dục thể thao
tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2011 - 2015 và tầm nhìn 2020

204 06 10 11 ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP, ngày 07/9/2006, của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội;

Căn cứ Quyết định số 2198/QĐ-TTg ngày 03/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển thể dục thể thao Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 161/2006/QĐ-TTg ngày 10/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 281/2007/QĐ-BKH ngày 26/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành định mức cho lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành và quy hoạch các sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BKH, ngày 01/7/2008, của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ và Quyết định số 281/2007/QĐ-BKH ngày 26/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Xét Biên bản họp ngày 25/11/2010 của Hội đồng thẩm định quy hoạch phát triển thể dục thể thao và phát triển văn hóa nghệ thuật giai đoạn 2011 - 2015, tầm nhìn 2020 tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 132/TTr-SVHTTDL, ngày 15/9/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch phát triển ngành thể dục thể thao tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2011 - 2015 và tầm nhìn 2020", với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: “Quy hoạch phát triển ngành thể dục thể thao tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2011 - 2015 và tầm nhìn 2020”.

2. Chủ đầu tư: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Nông.

3. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Trung tâm tư vấn phát triển văn hóa bản địa và đô thị Việt Nam.

4. Phạm vi và thời quy hoạch:

- Phạm vi: Quy hoạch tổng thể phát triển ngành thể dục thể thao tỉnh Đắk Nông.

- Thời gian: Xây dựng quy hoạch và thực hiện từ năm 2011-2015 và tầm nhìn 2020.

5. Mục tiêu dự án:

- Quy hoạch tổng thể phát triển ngành thể dục thể thao tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn 2020 xác lập tổng thể hoạt động thể dục thể thao về các mặt phát triển nền thể dục thể thao, nâng cao sức khỏe cho nhân dân; tập trung sức lực của ngành và địa phương xây dựng hoàn thành thiết chế thể thao cấp tỉnh, sân bóng đá và khu vui chơi giải trí cấp huyện; phát triển nhanh trình độ thể thao thành tích cao; mở rộng phong trào thể dục thể thao quần chúng, tăng cường thể lực của nhân dân; thực hiện hiệu quả xã hội hóa hoạt động thể dục thể thao, góp phần phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Đẩy mạnh hoạt động thể dục thể thao phù hợp với từng địa phương trong phạm vi toàn tỉnh, tiến tới xóa sự chênh lệch trong hưởng thụ thể dục thể thao giữa các vùng trong tỉnh. Thực hiện xã hội hóa hoạt động thể dục thể thao theo hướng “xây dựng và phát triển thể dục thể thao theo hướng hiện đại, giữ gìn bản sắc dân tộc”; kết hợp ngân sách Nhà nước với huy động các nguồn tài trợ đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị thể dục thể thao trong toàn tỉnh.

6. Quan điểm quy hoạch:

- Phát triển thể dục thể thao của tỉnh Đắk Nông ngang tầm với khu vực trong cả nước, cụ thể hóa phương hướng nhiệm vụ phát triển thể dục thể thao của Đảng và Nhà nước Việt Nam: “Xây dựng chiến lược Quốc gia về nâng cao sức khỏe, tầm vóc con người Việt Nam, tăng tuổi thọ, cải thiện chất lượng giống nòi. Tăng cường thể lực của thanh niên. Phát triển thể dục thể thao, kết hợp thể thao phong trào và thể thao thành tích cao, dân tộc và hiện đại. Có chính sách, cơ chế phù hợp bồi dưỡng và phát triển tài năng, đưa thể thao nước ta đạt vị trí cao của khu vực, từng bước tiếp cận với Châu lục và thế giới ở bộ môn Việt Nam có ưu thế”.

- Từng bước nâng cao chất lượng tuyên truyền, vận động và khuyến khích mọi tầng lớp nhân dân tham gia sáng tạo và hưởng thụ, luyện tập thể dục thể thao, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. Thực hiện theo cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Xây dựng và hoàn thiện thiết chế thể dục thể thao của cấp tỉnh, cấp huyện và cấp cơ sở.

7. Chỉ tiêu cơ bản của quy hoạch:

Tập trung phát triển thể dục thể thao đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

7.1. Về thể thao quần chúng:

STT	Chỉ tiêu	2010	2015	2020
1	Số người tập luyện TDTT thường xuyên (tỷ lệ % trên tổng số dân của tỉnh)	18%	23%	28%
2	Số gia đình thể thao (tỷ lệ % trên tổng số hộ của tỉnh)	9,9%	13%	16%
3	Số CLB TDTT (một môn và đa môn)	60	90	110
4	Số trường học thực hiện GDTC có nề nếp (tỷ lệ % trên tổng số trường)	100%	100%	100%
5	Số trường học hoạt động TDTT ngoại khóa thường xuyên (tỷ lệ % trên tổng số trường)	70%	80%	90%
6	Số cán bộ chiến sĩ quân đội, công an đạt tiêu chuẩn RLTT theo quy định (tỷ lệ %)	100%	100%	100%
7	Số cuộc thi TDTT quần chúng hằng năm ở:			
	- Xã, phường (cuộc thi)	150	180	220
	- Huyện, thị xã (cuộc thi)	49	60	75
	- Cấp tỉnh (cuộc thi)	13	18	22

7.2. Về thể thao thành tích cao:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2010 - 2020		
			2010	2015	2020
1	Số VĐV cấp cao	VĐV			
	- VĐV cấp 1	-	3	5	8
	- VĐV cấp kiện tướng	-	2	4	7
2	Số huy chương đạt được qua các giải TDTT toàn quốc	Huy chương			
	- Huy chương vàng	-	1	2	5
	- Huy chương bạc	-	4	6	8
	- Huy chương đồng	-	10	14	18
3	Số giải thi đấu cấp quốc gia	Giải	12	18	25

7.3. Về xã hội hóa thể dục thể thao:

TT	Danh mục công trình	Số lượng	Diện tích đất (ha)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Thời gian đầu tư	Cấp đầu tư	Chính sách ưu đãi
1	Nhà nghỉ vận động viên	01	1,5	30	2011-2015	Tỉnh	Theo quy định chung
2	Sân golf	01	60	150	2015-2020	Tỉnh	
3	Câu lạc bộ Bowling	01	0,5	01	2015-2020	Tỉnh	
4	Khu vui chơi giải trí thể thao	01	3,5	30	2011-2015	Tỉnh	
5	Câu lạc bộ bắn súng, cung nỏ	01	1	1	2015-2020	Tỉnh	
6	Nhà tập luyện và thi đấu thể thao	09	10,8	45	2013-2020	Huyện	
7	Bể bơi phổ thông	09	2,7	18	2011-2020	Huyện	
8	Sân bóng rổ cơ sở	8	1,44	2,4	2011-2020	Huyện	
9	Sân quần vợt	30	1,5	15	2011-2020	Cả tỉnh	
10	Câu lạc bộ bóng bàn - Bilard	20	0,72	6	2011-2020	Huyện	
11	Câu lạc bộ cầu lông	9	0,5	2,7	2011-2020	Huyện	
12	Câu lạc bộ Aerobic	5	0,5	1,5	2011-2020	Huyện	
13	Câu lạc bộ thể dục thể hình	10	0,5	3	2011-2020	Huyện	
14	Câu lạc bộ võ thuật	10	0,5	3	2011-2020	Huyện	
15	Câu lạc bộ patin	10	0,8	3	2011-2020	Huyện	
16	Sân bóng đá cơ sở	71	21,3	213	2011-2020	Xã	
17	Sân bóng chuyên	71	2,84	7,1	2011-2015	Xã	
18	Sân bóng đá mini cơ nhân tạo	20	3	10	2011-2020	Cơ sở	
19	Sân thể thao phổ thông trung tâm cụm xã	21	1,26	2,1	2015-2020	Cơ sở	
Tổng cộng:			114,86	543,8			

8. Phương án quy hoạch:

8.1. Quy hoạch hệ thống tổ chức sự nghiệp thể dục thể thao:

- Cấp tỉnh thành lập các đơn vị sự nghiệp thể dục thể thao trực thuộc tỉnh, bao gồm:

+ Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao: Làm nhiệm vụ huấn luyện, đào tạo, tập huấn và quản lý các đội tuyển thể thao của tỉnh tham gia thi đấu giải khu vực và toàn quốc. Từ năm 2011, Trung tâm dự kiến thành lập 5 đội tuyển của các môn võ thuật, bóng chuyền nữ, điền kinh, đẩy gậy, kéo co; số lượng vận động viên khoảng 40 ÷ 50 người, đến năm 2020 vận động viên từ 120-250 người.

+ Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ văn hóa, thể thao và du lịch: Làm nhiệm vụ tuyển sinh và đào tạo cán bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho các địa phương.

+ Trung tâm dịch vụ và tổ chức thi đấu thể dục, thể thao: Làm nhiệm vụ quản lý, khai thác, bảo dưỡng các công trình TDTT của tỉnh; tổ chức các giải thể thao của tỉnh, khu vực và toàn quốc, biên chế từ 15 - 20 người.

- Cấp huyện hoàn thiện tổ chức bộ máy tổ chức Trung tâm văn hóa - thể thao, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết phục vụ công tác tuyên truyền hướng dẫn, tổ chức chỉ đạo phong trào thể dục thể thao trên địa bàn huyện, thị; đồng thời làm nhiệm vụ phát hiện và đào tạo, tập huấn các đội tuyển thể thao của huyện để thi đấu cấp tỉnh.

- Cấp xã, phường, thị trấn thành lập Hội đồng Thể dục thể thao tham mưu cho cấp ủy và chính quyền về công tác thể dục thể thao. Hội đồng do một đồng chí lãnh đạo xã làm Chủ tịch; đại diện các ban, ngành, đoàn thể làm ủy viên, cộng tác viên thể dục thể thao xã làm ủy viên thường trực.

- Cấp thôn, bon, buôn, tổ dân phố: Hoạt động thể dục thể thao do trường hoặc phó thôn phụ trách. Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ tham gia quản lý.

8.2. Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành thể dục thể thao

- Tuyển dụng và xây dựng lực lượng công chức, viên chức và nhân viên thể dục thể thao có chuyên môn phục vụ sự nghiệp phát triển thể dục thể thao tại các cấp như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch đến năm:		
			2011	2015	2020
1	QLNN về thể dục thể thao				
	- Cấp tỉnh	Người	8	10	15
	- Cấp huyện	-	6	8	16
	- Cấp xã	-	46	60	73
2	CBCNV sự nghiệp TDTT				
	- Cấp tỉnh	-	14	20	30
	- Cấp huyện	-	0	8	10
	- Cấp xã	-	0	0	20
3	Cộng tác viên thường xuyên				
	- Cấp tỉnh	-	9	15	20
	- Cấp huyện	-	32	40	50
	- Cấp xã	-	126	150	170

- Tập trung đào tạo và đào tạo lại lực lượng công chức, viên chức và nhân viên thể dục thể thao đảm bảo về trình độ nghiệp vụ đến năm 2010 đạt chất lượng:

STT	Chỉ tiêu đào tạo	ĐVT	Kế hoạch đến năm:		
			2011	2015	2020
	- Đại học - Cao đẳng	Người -	10 -	25 -	40 -
	- Đào tạo sau đại học	-	1	2	4

8.3. Quy hoạch cơ sở vật chất, trang thiết bị đến năm 2020

8.3.1. Cấp tỉnh: hình thành trung tâm thể thao tại thị xã Gia Nghĩa với các hạng mục công trình:

- + Nhà thi đấu đa năng có khán đài 4.000-5.000 chỗ ngồi (theo TCXDVN 289:2004).
- + Sân vận động trung tâm có khán đài 25.000 chỗ ngồi.
- + Bể bơi (cấp I) có cầu nhảy và khán đài 1.500 chỗ (theo TCXDVN 288:2004).
- + Sân thể thao cơ bản dùng cho luyện tập và phục vụ khách du lịch.
- + Bể bơi phổ thông dùng cho luyện tập của người lớn và trẻ em.
- + Khu câu lạc bộ các môn thể thao kèm theo một số sân bãi, nhà tập và hội họp cho các câu lạc bộ, liên đoàn thể thao từng môn.
- + Nhà nghỉ cho vận động viên của các đội tuyển thể thao mũi nhọn thành tích cao của tỉnh khoảng 30 phòng.
- + Một số sân thể thao nhỏ dùng cho luyện tập.

8.3.2. Cấp huyện: Hoàn thiện các thiết chế thể thao cơ bản như sân vận động, nhà thi đấu thể thao, bể bơi... tại các thị trấn, trung tâm cụm xã do Nhà nước đầu tư, Trung tâm Văn hóa thể thao huyện quản lý.

8.3.3. Cấp xã:

- Mỗi thôn, bon, buôn, tổ dân phố có ít nhất một điểm luyện tập thể thao tại Nhà Văn hóa cộng đồng, Hội trường thôn, tổ dân phố; đồng thời khuyến khích các gia đình dành nhà, sân, đất vườn làm các điểm tập.

- Mỗi xã, phường, thị trấn: hình thành khu trung tâm thể dục thể thao quy hoạch theo Chỉ thị 133/TTg và 274/TTg của Thủ tướng Chính phủ từng bước tạo cơ sở vật chất phục vụ tập luyện, thi đấu, giải trí của nhân dân, về cơ bản bao gồm: 01 sân bóng đá đủ kích thước gắn liền với trường học, điểm vui chơi của thiếu niên.

8.3.4. Khu vực nội thị thị xã Gia Nghĩa

Công trình thể dục thể thao xây dựng bảo đảm Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, theo hình thành mạng lưới sân tập luyện thể thao khu đông dân cư của đô thị diện tích từ 0,3 ha đến 0,9 ha/sân tập, kết hợp với các vùng cây xanh, làm nơi sinh hoạt văn hóa thường xuyên, nghỉ ngơi thư giãn và tập thể thao cho nhân dân; khuyến khích cơ quan, công sở, đơn vị quân đội, công an, doanh nghiệp và cơ sở du lịch, nghỉ dưỡng dành đất và tiền vốn xây dựng công trình thể thao đơn hoặc đa môn phục vụ cán bộ, công nhân viên chức, khách vắng lai tập luyện và giải trí.

8.4. Quy hoạch sử dụng đất và đầu tư phát triển TDTT đến 2020

Tổng diện tích đất sử dụng trong quy hoạch TDTT đến năm 2020 là 164,16ha, trong đó:

- Đất chuyên dùng cho TDTT thuộc Nhà nước quản lý sử dụng: 99,82ha.
- Đất du lịch dùng cho TDTT thuộc các tổ chức quản lý sử dụng: 60ha.
- Đất của các cơ quan đơn vị dùng cho TDTT tự quản lý sử dụng: 4,34ha.

Cụ thể chia theo từng địa phương:

TT	Địa phương	Trong đất du lịch	Trong đất cơ quan	Đất chuyên dùng cho TDTT	Tổng
1	Thị xã Gia Nghĩa	60	0,57	26,696	87,266
2	Huyện Đắk Mil		0,6	10,104	10,704
3	Huyện Đắk Song		0,51	9,386	9,896
4	Huyện Đắk R'lấp		0,59	10,568	11,158
5	Huyện Đắk Glong		0,43	8,636	9,066
6	Huyện Cư Jút		0,47	9,132	9,602
7	Huyện Krông Nô		0,63	10,786	11,416
8	Huyện Tuy Đức		0,39	8,336	8,726
9	(huyện mới)		0,15	6,176	6,326
Tổng toàn tỉnh:		60	4,34	99,82	164,16

9. Quy hoạch đầu tư phát triển TDTT cấp tỉnh:

9.1. Xây dựng sân vận động:

- Là địa điểm tập trung đông người cho các cuộc mít tinh, đồng diễn, biểu dương lực lượng trong những ngày lễ lớn, là địa điểm thi đấu các môn thể thao đông người.

- Địa điểm xây dựng: khu vực trung tâm thị xã Gia nghĩa.
- Qui mô: 25.000 chỗ ngồi.
- Kiến trúc hiện đại và an toàn đảm bảo tiêu chuẩn cấp quốc gia.
- Mức đầu tư: 80 tỷ đồng.
- Kế hoạch đầu tư: giai đoạn 2011 - 2015.
- Giải pháp: Nhà nước đầu tư xây dựng hoàn chỉnh dự án.

9.2. Xây dựng nhà thi đấu đa năng

- Là nơi hướng dẫn các hoạt động thể thao quần chúng, tổ chức thi đấu các giải thể thao của tỉnh, đăng cai tổ chức các giải.

- Địa điểm xây dựng: khu vực trung tâm thị xã Gia nghĩa.
- Qui mô 4.000 - 5.000 chỗ ngồi.
- Kiến trúc hiện đại và an toàn đảm bảo tiêu chuẩn cấp quốc gia.

- Mức đầu tư: 70 tỷ đồng.
- Kế hoạch đầu tư: giai đoạn 2011 - 2020.
- Giải pháp: Nhà nước đầu tư xây dựng hoàn chỉnh dự án.

9.3. Xây dựng bể bơi tập luyện và thi đấu:

- Là nơi tập luyện và tổ chức thi đấu các giải bơi lội cấp tỉnh, khu vực và toàn quốc; hướng dẫn hoạt động bơi lội cho cơ sở.
- Địa điểm xây dựng: khu vực trung tâm thị xã Gia nghĩa.
- Qui mô: cấp I theo TCXDVN288:2004
- Kiến trúc hiện đại và an toàn đảm bảo tiêu chuẩn cấp quốc gia.
- Mức đầu tư: 20 tỷ đồng.
- Kế hoạch đầu tư: giai đoạn 2018 - 2020.
- Giải pháp: Nhà nước đầu tư xây dựng hoàn chỉnh dự án.

9.4. Trường Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Là nơi đào tạo vận động viên năng khiếu của tỉnh và đào tạo về cả Văn hoá cho các VĐV đang học văn hoá.
- Mức đầu tư: 80 tỷ đồng
- Diện tích: 03 ha.
- Kế hoạch tổ chức đầu tư, xây dựng: từ 2018 - 2020.
- Giải pháp: Nhà nước đầu tư xây dựng hoàn chỉnh dự án.

9.5. Nhà nghỉ vận động viên:

- Là nơi ở của các vận động viên năng khiếu của tỉnh và vận động viên của tỉnh khác đến tham gia thi đấu các giải mở rộng của tỉnh tổ chức.
- Địa điểm xây dựng: khu vực trung tâm thị xã Gia nghĩa.
- Qui mô: 4- 5 tầng; diện tích 1,5ha.
- Mức đầu tư: 30 tỷ đồng.
- Kế hoạch đầu tư: 2011 - 2015.
- Giải pháp: xã hội hóa.

9.6. Sân golf:

- Là nơi thể thao giải trí thư giãn phục vụ khách trong và ngoài nước đến du lịch và hợp tác kinh doanh.
- Địa điểm xây dựng: khu vực ven thị xã Gia Nghĩa hoặc các huyện lân cận.
- Qui mô: 60 ha.
- Mức đầu tư: 150 tỷ đồng.
- Kế hoạch đầu tư: 2015 - 2020.
- Giải pháp: xã hội hóa.

9.7. Câu lạc bộ Bowling:

- Là nơi thể thao giải trí thư giãn và phục vụ thi đấu các giải bowling cấp khu vực và toàn quốc.

- Địa điểm xây dựng: khu vực trung tâm thị xã Gia Nghĩa.

- Qui mô: 0,5 ha.

- Mức đầu tư: 01 tỷ đồng.

- Kế hoạch đầu tư: 2015 - 2020.

- Giải pháp: xã hội hóa.

9.8. Khu vui chơi giải trí thể thao.

- Là nơi đảm bảo các điều kiện về sân bãi, trang thiết bị phục vụ đông đảo quần chúng nhân dân rèn luyện thể thao và vui chơi giải trí.

- Địa điểm xây dựng: khu vực trung tâm thị xã Gia Nghĩa.

- Qui mô: 3,5 ha.

- Mức đầu tư: 30 tỷ đồng.

- Kế hoạch đầu tư: 2015 - 2020.

- Giải pháp: xã hội hóa.

9.9. Câu lạc bộ bắn súng, cung nỏ:

- Địa điểm xây dựng: khu vực ven trung tâm thị xã Gia Nghĩa.

- Số lượng: 01 Câu lạc bộ.

- Quy hoạch sử dụng đất: 10.000m².

- Mức đầu tư: 01 tỷ đồng

- Kế hoạch đầu tư: 2015 - 2020.

- Giải pháp: xã hội hóa

10. Quy hoạch đầu tư phát triển TDTT cấp huyện

10.1. Sân vận động:

- Là địa điểm tập trung đông người cho các cuộc mít tinh, đồng diễn, biểu dương lực lượng trong những ngày lễ lớn, là địa điểm thi đấu các môn thể thao đông người.

- Nhu cầu đất: 43.000m²/sân.

- Địa điểm xây dựng: khu vực trung tâm huyện lỵ.

- Quy hoạch kiến trúc: sân vận động có khán đài, có đường pit tập luyện môn điền kinh, khuôn viên cây xanh.

- Số lượng: 9 sân bóng đá;

- Mức đầu tư: giá trị cơ sở vật chất kỹ thuật và phương tiện chuyên dùng 09 tỷ đồng/sân.

- Giải pháp: nhà nước đầu tư xây dựng hoàn chỉnh dự án

- * Kế hoạch: - 2011 - 2012: lập dự án, duyệt dự án.
- 2013 - 2020: tổ chức đầu tư, xây dựng.

* Dự tính tổng vốn đầu tư: 09 sân x 09 tỷ đồng/sân = 81 tỷ đồng

10.2. Nhà tập luyện và thi đấu thể thao

- Là nơi hướng dẫn các hoạt động thể thao quần chúng, tổ chức thi đấu các giải thể thao quần chúng.

- Nhu cầu đất: 9.000 - 12.000m².
- Địa điểm xây dựng: khu vực trung tâm huyện lỵ.
- Quy hoạch kiến trúc: nhà tập luyện và thi đấu đa năng của các môn thể thao quần chúng, phòng học, khuôn viên cây xanh.
- Số lượng: 09 nhà thi đấu thể thao.
- Mức đầu tư: giá trị cơ sở vật chất kỹ thuật và phương tiện chuyên dùng từ 05 tỷ đồng/nhà x 9 nhà = 45 tỷ đồng.
- Giải pháp: Xã hội hóa

10.3. Bể bơi phổ thông:

Bể bơi ở các huyện, thị xã là nơi phục vụ nhu cầu tập luyện, tổ chức học tập cứu đuối cho học sinh và phục vụ nhu cầu rộng rãi cho quảng đại quần chúng nhân dân.

- Yêu cầu địa điểm: thuận lợi cho nhân dân sinh hoạt.
- Quy hoạch sử dụng đất: 2.000 - 3.000m².
- Kết cấu kiến trúc: bao gồm các bể bơi có dung tích 20^m x 50^m x 1,5^m và các công trình lọc, cấp nước, nhà thay đồ và công trình phụ trợ khác.
- Số lượng bể bơi cần xây dựng: 9 khu.
- Mức đầu tư cho mỗi bể: giá trị cơ sở vật chất kỹ thuật và phương tiện chuyên dùng 2 tỷ đồng.
- Giải pháp: xã hội hóa

10.4. Sân bóng rổ:

- Địa điểm: trung tâm các huyện và thị xã.
- Số lượng: 8 sân
- Quy hoạch sử dụng đất: 1.800m²/sân x 08 sân = 14.400m².
- Mức đầu tư: 0,3 tỷ đồng/sân x 08 sân = 2,4 tỷ đồng.
- Kế hoạch đầu tư: 2011 - 2020.
- Giải pháp: xã hội hóa

10.5. Sân quần vợt

- Địa điểm: trung tâm các huyện và thị xã.
- Số lượng: 30 sân
- Quy hoạch sử dụng đất: 500m²/sân x 30 sân = 15.000m².
- Mức đầu tư: 0,5 tỷ đồng/sân x 30 sân = 15 tỷ đồng.

- Kế hoạch đầu tư: 2011 - 2020.

- Giải pháp: xã hội hóa

10.6. Câu lạc bộ bóng bàn - Bilard:

- Địa điểm: trung tâm các huyện và thị xã.

- Số lượng: 20 Câu lạc bộ

- Quy hoạch sử dụng đất: $360\text{m}^2/\text{CLB} \times 20 \text{ CLB} = 7.200\text{m}^2$.

- Mức đầu tư: $0,3 \text{ tỷ đồng}/\text{CLB} \times 20 \text{ CLB} = 6 \text{ tỷ đồng}$.

- Kế hoạch đầu tư: 2011 - 2020.

- Giải pháp: xã hội hóa

10.7. Câu lạc bộ cầu lông:

- Địa điểm: trung tâm các huyện và thị xã.

- Số lượng: 09 Câu lạc bộ

- Quy hoạch sử dụng đất: $500\text{m}^2/\text{CLB} \times 09 \text{ CLB} = 4.500\text{m}^2$.

- Mức đầu tư: $0,3 \text{ tỷ đồng}/\text{CLB} \times 09 \text{ CLB} = 2,7 \text{ tỷ đồng}$.

- Kế hoạch đầu tư: 2011 - 2020.

- Giải pháp: xã hội hóa

10.8. Câu lạc bộ Aerobic:

- Địa điểm: trung tâm các huyện và thị xã.

- Số lượng: 05 Câu lạc bộ

- Quy hoạch sử dụng đất: $100\text{m}^2/\text{CLB} \times 05 \text{ CLB} = 500\text{m}^2$.

- Mức đầu tư: $0,3 \text{ tỷ đồng}/\text{CLB} \times 05 \text{ CLB} = 1,5 \text{ tỷ đồng}$.

- Kế hoạch đầu tư: 2011 - 2020.

- Giải pháp: xã hội hóa

10.9. Câu lạc bộ thể dục thể hình:

- Địa điểm: trung tâm các huyện và thị xã.

- Số lượng: 10 Câu lạc bộ

- Quy hoạch sử dụng đất: $100\text{m}^2/\text{CLB} \times 10 \text{ CLB} = 1.000\text{m}^2$.

- Mức đầu tư: $0,3 \text{ tỷ đồng}/\text{CLB} \times 10 \text{ CLB} = 03 \text{ tỷ đồng}$.

- Kế hoạch đầu tư: 2011 - 2020.

- Giải pháp: xã hội hóa

10.10. Câu lạc bộ võ thuật:

- Địa điểm: trung tâm các huyện, thị xã và nơi tập trung đông dân cư.

- Số lượng: 10 Câu lạc bộ

- Quy hoạch sử dụng đất: $500\text{m}^2/\text{CLB} \times 10 \text{ CLB} = 5.000\text{m}^2$.

- Mức đầu tư: $0,3 \text{ tỷ đồng}/\text{CLB} \times 10 \text{ CLB} = 03 \text{ tỷ đồng}$.

- Kế hoạch đầu tư: 2011 - 2020.

- Giải pháp: xã hội hóa

10.11. Câu lạc bộ patin:

- Địa điểm: trung tâm các huyện và thị xã.
- Số lượng: 10 Câu lạc bộ
- Quy hoạch sử dụng đất: $800\text{m}^2/\text{CLB} \times 10 \text{ CLB} = 8.000\text{m}^2$.
- Mức đầu tư: $0,3 \text{ tỷ đồng}/\text{CLB} \times 10 \text{ CLB} = 03 \text{ tỷ đồng}$.
- Kế hoạch đầu tư: 2011 - 2020.
- Giải pháp: xã hội hóa

11. Quy hoạch đầu tư phát triển TDTT cấp cơ sở:

11.1. Sân bóng đá:

- Địa điểm xây dựng: khu vực trung tâm xã.
- Số lượng: 71 sân bóng đá.
- Quy hoạch sử dụng đất: $3.000\text{m}^2/\text{sân} \times 71 \text{ sân} = 213.000\text{m}^2$.
- Mức đầu tư: $03 \text{ tỷ đồng}/\text{sân} \times 71 \text{ sân} = 213 \text{ tỷ đồng}$.
- Kế hoạch đầu tư: 2011 - 2020.
- Giải pháp: xã hội hóa.

11.2. Sân bóng chuyền:

- Quy hoạch sử dụng đất: $400\text{m}^2/\text{sân} \times 71 \text{ sân} = 28.400\text{m}^2$.
- Số lượng: 71 sân bóng chuyền.
- Địa điểm xây dựng: khu vực trung tâm xã.
- Mức đầu tư: $0,1 \text{ tỷ}/\text{sân} \times 71 \text{ sân} = 7,1 \text{ tỷ đồng}$
- Kế hoạch đầu tư: 2011 - 2015.
- Giải pháp: xã hội hóa

11.3. Sân bóng đá mini cỡ nhân tạo:

- Địa điểm xây dựng: khu vực trung tâm xã, phường, thị trấn.
- Số lượng: 20 sân.
- Quy hoạch sử dụng đất: $1.500\text{m}^2/\text{sân} \times 20 \text{ sân} = 30.000\text{m}^2$.
- Mức đầu tư: $0,5 \text{ tỷ}/\text{sân} \times 20 \text{ sân} = 10 \text{ tỷ đồng}$
- Kế hoạch đầu tư: 2011 - 2020.
- Giải pháp: xã hội hóa

11.4. Sân thể thao phổ thông trung tâm cụm xã:

- Địa điểm xây dựng: trung tâm cụm xã.
- Số lượng: 21 sân.
- Quy hoạch sử dụng đất: $600\text{m}^2/\text{sân} \times 21 \text{ sân} = 12.600\text{m}^2$.
- Mức đầu tư: $0,1 \text{ tỷ đồng}/\text{sân} \times 21 \text{ sân} = 2,1 \text{ tỷ đồng}$
- Kế hoạch đầu tư: 2015 - 2020.
- Giải pháp: xã hội hóa

12. Nguồn vốn đầu tư và phân kỳ đầu tư:

12.1. Về nguồn vốn đầu tư:

Tổng nguồn vốn đầu tư: 874,8 tỷ đồng
Trong đó: - Vốn xã hội hóa: 543,8 tỷ đồng
- Vốn Ngân sách Nhà nước: 331 tỷ đồng

Nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước đầu tư các thiết chế thể thao cơ bản sau:

TT	Tên thiết chế	Số lượng	Diện tích đất (m ²)	Mức kinh phí đầu tư (đồng)	Thời gian đầu tư
1	Sân vận động tỉnh	1	50.000	80 tỷ	2011-2015
2	Nhà thi đấu đa năng tỉnh	1	20.000	70 tỷ	2011-2020
3	Bể bơi tập luyện và thi đấu tỉnh	1	15.000	20 tỷ	2018-2020
4	Trường Văn hóa, thể thao, du lịch	1	30.000	80 tỷ	2018-2020
5	Sân vận động cấp huyện	9	387.000	81 tỷ	2011-2020
	Tổng cộng	11	670.000	331	

12.2. Phân kỳ đầu tư nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước:

Tổng vốn từ ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển Ngành Thể dục thể thao Đắk Nông giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn 2020: 331 tỷ đồng

Trong đó:

- Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương: 200 tỷ đồng
- Nguồn vốn địa phương: 131 tỷ đồng

12.2. Phân kỳ đầu tư

- Giai đoạn 2011-2015: 164 tỷ đồng

Trong đó:

- + Vốn Trung ương: 110 tỷ đồng
- + Vốn địa phương: 54 tỷ đồng

- Giai đoạn 2016-2020: 167 tỷ đồng

Trong đó:

- + Vốn Trung ương: 90 tỷ đồng
- + Vốn địa phương: 77 tỷ đồng.

13. Giải pháp thực hiện:

- Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước và thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về thể dục thể thao. Kiện toàn và ổn định tổ chức bộ máy của ngành TDTT từ tỉnh đến cơ sở đủ điều kiện chỉ đạo, điều hành, quản lý sự nghiệp thể dục thể thao trong giai đoạn mới.

- Kết hợp chặt chẽ với các ngành, tổ chức xã hội, đoàn thể để xây dựng phát triển sâu rộng phong trào thể dục thể thao quần chúng, tạo đà thúc đẩy sự phát triển toàn diện công tác thể dục thể thao của tỉnh những năm 2010 - 2020. Trong đó, chú

trọng công tác giáo dục thể chất cho học sinh trong hệ thống nhà trường các cấp và lực lượng vũ trang; khai thác, giữ gìn, phát triển các môn thể thao dân tộc, dân tộc bản địa ở Đắk Nông; tổ chức tập luyện, biểu diễn và thi đấu thể thao dân tộc truyền thống ở cấp huyện - tỉnh, hướng tới các giải khu vực, giải vô địch toàn quốc, Đại hội thể dục thể thao toàn quốc.

- Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị (dinh dưỡng, y học thể thao) phục vụ huấn luyện các đội dự tuyển, vận động viên; thí điểm cơ chế quản lý thể thao chuyên nghiệp một số môn thể thao phát huy hiệu quả đầu tư đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao. Tập trung phát triển bộ môn bóng chuyền Nữ phát triển đạt chất lượng chuyên môn cao, phấn đấu đội tuyển bóng chuyền Nữ của tỉnh đứng trong hàng ngũ đội bóng hạng A1 và đầu tư tạo nguồn phát triển bộ môn điền kinh.

- Kiện toàn đội ngũ cán bộ công tác thể dục, thể thao, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thể dục thể thao giỏi chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức và bản lĩnh nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu công tác thể dục thể thao trong thời kỳ phát triển; tuyển chọn đào tạo tài năng, có chính sách khen thưởng và đãi ngộ, chăm sóc, chế độ dinh dưỡng kịp thời cho các huấn luyện viên và vận động viên mang lại vinh quang cho địa phương để động viên và khuyến khích tài năng thể thao của tỉnh.

- Tham gia công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học công nghệ thể dục, thể thao tiên tiến, phục vụ công việc quản lý, tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện nâng cao trình độ và thành tích thể thao của tỉnh.

- Mở rộng quan hệ hợp tác đối ngoại của thể thao Đắk Nông với các tỉnh bạn và tổ chức giao lưu thể dục thể thao với các huyện biên giới Campuchia.

- Tập trung nguồn vốn xây dựng cơ sở vật chất công tác thể dục thể thao ở cả 3 cấp xã - huyện - tỉnh, trước mắt triển khai thực hiện đầu tư xây dựng Sân vận động, Nhà thi đấu đa năng của tỉnh và hệ thống sân bãi cấp cơ sở. Phát huy hiệu quả hệ thống thiết chế, cơ sở thể thao hiện có, đầu tư xây dựng mới theo hướng hiện đại ở cấp tỉnh, cấp huyện. Hoàn thành sân vận động, nhà thi đấu đa năng, khu bể bơi cấp tỉnh, sân bóng đá, khu vui chơi cấp huyện trước năm 2020. Dành quỹ đất và từng bước đầu tư ở mỗi xã một khu thể thao rộng 1,5 - 2 ha, mỗi huyện một trung tâm thể thao rộng từ 5-6 ha; các trường học sân tập luyện thể dục thể thao và cây xanh.

- Thực hiện công tác xã hội hóa hoạt động thể dục thể thao song song với việc chuyển dần cơ chế quản lý, tổ chức một số môn thể thao sang chuyên nghiệp hóa, đưa thể thao tham gia hoạt động kinh tế du lịch đang ngày càng phát triển của tỉnh.

- Kết hợp các ban, ngành đoàn thể quần chúng thực hiện thắng lợi quy hoạch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định triển khai đồng bộ với quy hoạch một số nội dung:

+ Đất xây dựng thiết chế thể thao.

+ Chính sách hỗ trợ tài chính phát triển sự nghiệp thể thao ở cấp tỉnh, cấp huyện và đơn vị cơ sở.

+ Chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên môn nghiệp vụ thể dục thể thao của tỉnh Đắk Nông.

+ Tỷ lệ đầu tư tài chính phát triển sự nghiệp thể dục thể thao trên địa bàn toàn tỉnh tạo nguồn vốn thực hiện quy hoạch.

Điều 2. Giao Sở Văn hoá thể thao và Du lịch cùng các Sở, ngành và đơn vị có liên quan trên cơ sở quy hoạch phát triển ngành thể dục thể thao tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2011 - 2015 và tầm nhìn 2020 được duyệt:

- Cụ thể hóa trong kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm; 5 năm của tỉnh, ngành và từng địa phương; xây dựng chương trình hành động, kế hoạch cụ thể, huy động nhiều nguồn vốn đầu tư để thực hiện nội dung quy hoạch.

- Nghiên cứu và đề xuất những chính sách, cơ chế, giải pháp, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và phát triển ngành thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện nội dung quy hoạch.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Xây dựng; Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- CVP, PCVP: đ/c Phùng Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, VHXH.

24

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Diễn